

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 15-9-2025

V/v: Ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Văn Thịnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lò Văn Viễn, bà Lò Thị Thành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Ánh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Quân - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 09/2025/TLST-HNGĐ ngày 16/7/2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/8/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2025/QĐST-HNGĐ ngày 04/9/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2025/QĐST-HNGĐ ngày 09/9/2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lèo Thị M; sinh năm: 1997. Nơi cư trú: Bản PH, xã MH, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Lò Văn H; sinh năm: 1996. Nơi cư trú: Bản PH, xã MH, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lèo Thị M trình bày:

Chị M và anh Lò Văn H kết hôn với nhau từ ngày 10/01/2018. Đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MH, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La (Nay là Ủy ban nhân dân xã MH, tỉnh Sơn La). Việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện không bị ép buộc. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách không hợp nhau, quan điểm

trong cuộc sống vợ chồng không đồng thuận, mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên ngăn nhưng cuộc sống vợ chồng không được cải thiện. Nay chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị giải quyết ly hôn với anh Lò Văn H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Lò Duy N, sinh ngày 25/7/2017 và cháu Lò Bảo Ng, sinh ngày 09/9/2019. Chị M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lò Bảo Ng đến khi trưởng thành (Đủ 18 tuổi) và yêu cầu anh Lò Văn H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lò Duy N đến khi trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Mai đề nghị không cấp dưỡng nuôi con chung và không yêu cầu anh Lò Văn H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Lò Thị M cam đoan không có nợ chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lò Văn H đã được Toà án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập để viết bản tự khai, tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, tham gia phiên tòa nhưng anh H vẫn cố tình vắng mặt nên không có ý kiến về việc giải quyết ly hôn.

Căn cứ khoản 3 Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xác minh nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, điều kiện nuôi con tại nơi cư trú của các đương sự và ý kiến của con chung như sau:

Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương ngày 18/7/2025 xác định: Chị Lò Thị M và anh Lò Văn H kết hôn với nhau từ ngày 10/01/2018. Đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mường Hung, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La (Nay là Ủy ban nhân dân xã Mường Hung, tỉnh Sơn La). Việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện không bị ép buộc. Sau khi kết hôn hai vợ chồng cùng sống tại bản Phiêng Hoi, xã Mường Hung, tỉnh Sơn La. Quá trình chung sống thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chính quyền địa phương không nắm được. Về con chung: Chị M và anh H có 02 con chung là cháu Lò Duy N, sinh ngày 25/7/2017 và cháu Lò Bảo Ng, sinh ngày 09/9/2019. Hiện tại cháu Lò Bảo Ng đang ở với chị M, còn cháu Lò Duy N đang ở với anh H, đang do anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Quá trình nuôi dưỡng chị M và anh H vẫn đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho các con.

Tại Biên bản xác minh ngày 18/7/2025 với mẹ của anh Lò Văn H là bà Cà Thị H; nơi cư trú: Bản PH, xã MH, tỉnh Sơn La xác định: Chị Lò Thị M và anh

Lò Văn H kết hôn với nhau từ ngày 10/01/2018. Đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MH, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La (Nay là Ủy ban nhân dân xã MH, tỉnh Sơn La). Việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện không bị ép buộc. Sau khi kết hôn chị Mai và anh Hồng cùng sống với nhau tại bản PH, xã MH, tỉnh Sơn La. Quá trình chung sống có 02 con chung là cháu Lò Duy N, sinh ngày 25/7/2017 và cháu Lò Bảo Ng, sinh ngày 09/9/2019. Thời gian đầu chị M và anh H sống với nhau hạnh phúc, bắt đầu từ mấy năm gần đây hay xảy ra mâu thuẫn, gia đình hai bên đã khuyên giải, hoà giải nhưng không thành. Chị M đã về sống với bố mẹ đẻ. Nay Chị M làm đơn yêu cầu ly hôn với con trai bà là Lò Văn H. Bà H không có ý kiến gì. Đối với con chung hiện nay cháu Lò Duy N đang ở cùng bà và anh Lò Văn H, còn cháu Lò Bảo Ng đã đi ở cùng mẹ. Bà H nhất trí với ý kiến của chị M cho cháu Lò Duy N sống với bố và cháu Lò Bảo Ng sống với mẹ.

Tại biên bản ghi ý kiến ngày 08/8/2025 của cháu Lò Duy N, sinh ngày 25/7/2017 như sau: Cháu có nguyện vọng ở với bố nếu bố mẹ cháu ly hôn.

Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, bị đơn đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không có mặt để tham gia tố tụng. Do đó vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn vẫn kiên quyết ly hôn với lý do vợ chồng có nhiều mâu thuẫn gia đình không thể hàn gắn được vì tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã rất trầm trọng.

Chị Lò Thị M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt với nội dung: Chị M giữ nguyên ý kiến như trình bày trong đơn khởi kiện và bản tự khai.

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không cung cấp thêm chứng cứ cho Tòa án, không có ý kiến gì về các chứng cứ do các đương sự khác xuất trình và không yêu cầu triệu tập đương sự khác, người tham gia tố tụng khác.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Sơn La phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật, xác định đúng đầy đủ tư cách tham gia tố tụng, tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ đúng quy định, đảm bảo đúng thời hạn, tổng đạt đầy đủ hợp lệ các văn bản tố tụng cho đương sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tham gia đúng thành

phần trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa diễn ra theo đúng quy định của pháp luật, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định pháp luật tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Viện kiểm sát đề nghị:

Về hôn nhân: Xử cho chị Lèo Thị M được ly hôn với anh Lò Văn H.

Về con chung: Giao cháu Lò Bảo Ng, sinh ngày 09/9/2019 cho chị Lèo Thị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và giao cháu Lò Duy N, sinh ngày 25/7/2017 cho anh Lò Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lèo Thị M và anh Lò Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Lèo Thị M yêu cầu ly hôn với anh Lò Văn H có nơi cư trú tại bản PH, xã MH, tỉnh Sơn La. Tòa án nhân dân khu vực 3 - Sơn La thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 1 của Luật số 85/2025/QH15 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Nguyên đơn chị Lèo Thị M vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Lò Văn H đã được Tòa án triệu tập tổng đạt hợp lệ lần thứ ba vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lèo Thị M và anh Lò Văn H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không ai bị ép buộc, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mường Hung, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La (Nay là Ủy ban nhân dân xã Mường Hung, tỉnh Sơn La), khi kết hôn hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định. Do đó, chị M và anh H là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hoà hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hai bên gia đình đã hòa giải cho vợ chồng nhưng không thể hàn gắn được tình cảm. Vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Tình cảm vợ chồng không còn, chị M kiên quyết xin ly hôn với anh Lò Văn H.

Tòa án đã tiến hành triệu tập tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhiều lần cho bị đơn anh Lò Văn H để viết bản tự khai, tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ, tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng anh Lò Văn H vẫn cố tình vắng mặt.

Trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ, biên bản xác minh tại địa phương, bản tự khai của đương sự và tại phiên tòa cho thấy cuộc sống chung vợ chồng của chị M và anh H không hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài, nguyên nhân do mâu thuẫn gia đình, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không thể hoà hợp được, đã sống ly thân được một thời gian dài không ai quan tâm đến cuộc sống của ai dẫn đến tình cảm vợ chồng xa cách, hôn nhân gia đình trở nên bế tắc.

Từ các căn cứ nêu trên cho thấy mâu thuẫn của vợ chồng chị M và anh H đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Lèo Thị M được ly hôn với anh Lò Văn H.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Lò Duy N, sinh ngày 25/7/2017 và cháu Lò Bảo Ng, sinh ngày 09/9/2019. Hiện cháu Lò Duy N đang ở với anh Lò Văn H và cháu Lò Bảo Ng đang ở với chị Lèo Thị M.

Ý kiến của chị Lèo Thị M nếu ly hôn xin được nuôi dưỡng cháu Lò Bảo Ng, còn cháu Lò Duy N giao cho anh H nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chị M đề nghị không phải cấp dưỡng nuôi con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Quá trình giải quyết vụ án anh H không có ý kiến gì.

Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ vào đề nghị của nguyên đơn, ý kiến của cháu Lò Duy N có nguyện vọng ở với bố. Kết quả xác minh thể hiện cháu Lò Duy N đang ở với anh Lò Văn H, đang do anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng tại bản PH, xã MH, tỉnh Sơn La và cháu Lò Bảo Ng dưới 07 tuổi đang ở với mẹ là chị Lèo Thị M. Chị và anh H đều đảm bảo mọi điều kiện về chỗ ở, thu nhập để nuôi con chung. Do đó cần giao cháu Lò Bảo Ng cho chị Lèo Thị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi trưởng thành và giao cháu Lò Duy N cho anh Lò Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lèo Thị M và anh Lò Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị M và anh H không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Về tài sản chung chị Lèo Thị M xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết và đối với nợ chung chị Mai cam đoan không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó không xem xét giải quyết trong vụ án. Trường hợp sau khi giải quyết ly hôn có phát sinh tranh chấp và có người yêu cầu, sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Nguyên đơn là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có yêu cầu miễn án phí. Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho chị Lèo Thị M.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Điều 1 của Luật số 85/2025/QH15 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lèo Thị M được ly hôn với anh Lò Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu Lò Bảo Ng, sinh ngày 09/9/2019 cho chị Lèo Thị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi trưởng thành (Đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật và giao cháu Lò Duy N, sinh ngày 25/7/2017 cho anh Lò Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi trưởng thành (Đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lèo Thị M và anh Lò Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Mai và anh Hồng không yêu cầu.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết trong vụ án. Trường hợp sau khi giải quyết ly hôn có phát sinh tranh chấp và có người yêu cầu, sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

4. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho chị Lèo Thị M.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND khu vực 3 – Sơn La (2);
- Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La;
- UBND xã MH, tỉnh Sơn La;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nông Văn Thịnh

